

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)
Quý 01 Năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255,260,953,990	260,357,187,493
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6,186,948,685	7,792,476,950
Tiền	111		6,186,948,685	7,792,476,950
Các khoản tương đương tiền	112			
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11,300,000,000	11,000,000,000
Đầu tư ngắn hạn	121		11,300,000,000	11,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50,419,858,609	58,309,952,121
Phải thu khách hàng	131	5.2	26,020,490,061	28,490,878,729
Trả trước cho người bán	132	5.3	11,094,002,736	17,650,576,485
Phải thu nội bộ	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.4	16,897,261,191	15,760,392,286
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3,591,895,379)	(3,591,895,379)
Hàng tồn kho	140		175,529,264,688	170,905,760,612
Hàng tồn kho	141	5.5	175,581,107,088	170,957,603,012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(51,842,400)	(51,842,400)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11,824,882,008	12,348,997,810
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	4,181,551,147	3,128,337,619
Thuế GTGT được khấu trừ	152		423,540,008	669,209,933
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		764,432,386	764,432,386
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	6,455,358,467	7,787,017,872
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126,432,988,328	127,796,577,213
Các khoản phải thu dài hạn	210		8,332,000,000	8,332,000,000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218	5.8	8,332,000,000	8,332,000,000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		78,643,837,362	79,342,555,648
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	43,820,537,189	44,525,170,255
- Nguyên giá	222		100,822,851,308	98,962,371,522
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(57,002,314,119)	(54,437,201,267)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	26,602,399,508	26,726,098,303
- Nguyên giá	228		28,845,909,787	28,845,909,787
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,243,510,279)	(2,119,811,484)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.12	8,220,900,665	8,091,287,090
Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241	5.11	34,364,000	34,364,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(34,364,000)	(34,364,000)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24,816,049,241	24,908,465,157
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12,154,937,697	12,154,937,697
Đầu tư dài hạn khác	258	5.13	12,661,111,544	12,753,527,460
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		14,641,101,725	15,213,556,408
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	7,475,477,714	8,214,724,785
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,508,381,762	1,620,221,512
Tài sản dài hạn khác	268	5.15	5,657,242,249	5,378,610,111
CỘNG TÀI SẢN	270		381,693,942,318	388,153,764,707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)
Quý 01 Năm 2013

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		268,212,969,496	271,359,964,430
Nợ ngắn hạn	310		246,724,534,216	248,991,472,873
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	85,408,777,395	86,968,168,542
Phải trả người bán	312	5.17	119,784,126,277	117,514,060,546
Người mua trả tiền trước	313	5.18	901,369,236	1,198,220,649
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.19	374,792,015	427,480,689
Phải trả người lao động	315		2,534,859,130	4,462,444,652
Chi phí phải trả	316	5.20	19,403,375,612	19,703,350,798
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.21	18,317,234,551	18,717,746,997
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
Nợ dài hạn	330		21,488,435,280	22,368,491,557
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.22	3,679,249,831	3,598,652,381
Vay và nợ dài hạn	334	5.23	17,657,710,824	18,585,011,824
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		151,474,625	184,827,352
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113,480,972,822	116,793,800,277
Vốn chủ sở hữu	410	5.24	113,480,972,822	116,793,800,277
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110,402,410,000	100,589,060,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	34,551,810,046
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1,285,812,308	970,956,900
Quỹ dự phòng tài chính	418		712,921,406	1,027,776,814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(21,042,630,298)	(17,729,802,843)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		381,693,942,318	388,153,764,707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)
Quý 01 Năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		25,171,214,251	26,479,123,957
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			
USD		120.24	120.09
EURO			
Dư toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập biểu



Phan Thi Thu Hà

Kế toán trưởng



Ông Chu Nga

Ngày 02 tháng 05 năm 2013

Tổng giám đốc



STANLEY GIMP

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (hợp nhất)

Quý 01 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 Năm 2013	Quý 01 Năm 2012
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	79,632,492,661	76,211,783,715
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1,312,892,875	1,991,499,237
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	6.3	78,319,599,786	74,220,284,478
Giá vốn hàng bán	11	6.4	49,429,907,773	50,262,220,317
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		28,889,692,013	23,958,064,161
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	446,733,871	629,050,377
Chi phí tài chính	22	6.6	3,620,853,788	4,710,377,656
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3,548,791,750	4,613,987,115
Chi phí bán hàng	24	6.7	24,295,298,738	22,067,398,987
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	4,933,046,809	4,566,825,116
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3,512,773,451)	(6,757,487,221)
Thu nhập khác	31	6.9	571,305,454	1,392,966,174
Chi phí khác	32	6.10	259,519,708	1,413,309,216
Lợi nhuận khác	40		311,785,746	(20,343,042)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3,200,987,705)	(6,777,830,263)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		111,839,750	(116,683,432)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3,312,827,455)	(6,661,146,831)

Ngày 02 tháng 05 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Châu Thị Thu Hà



Ông Chu Nga



STANLEY FUNN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (hợp nhất)
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 01 Năm 2013

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	82,163,739,368	82,656,966,008
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ và hàng hóa	2	(65,434,242,070)	(65,396,001,337)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(11,016,886,108)	(11,417,356,261)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(3,552,811,189)	(5,116,186,986)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	13,469,006,821	9,495,865,093
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(14,348,497,210)	(11,045,949,013)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,280,309,612	(822,662,496)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(588,567,961)	(1,716,042,444)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2,093,278	550,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7,405,000,000)
6. Tiền thu đầu tư góp vốn đơn vị khác	26	92,415,916	4,105,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	89,911,372	146,792,524
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(404,147,395)	(4,319,249,920)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	54,594,180,519	57,442,683,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(57,075,871,001)	(52,881,989,160)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,481,690,482)	4,560,693,840
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1,605,528,265)	(581,218,576)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,792,476,950	5,388,109,144
Ảnh hưởng đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,186,948,685	4,806,890,568

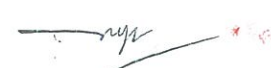
Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 02 tháng 05 năm 2013

Tổng giám đốc


 Trần Thị Thu Hà


 Ông Chu Nga



STANLEY GINN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực văn hóa.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam		100 %	100 %
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam		100 %	100 %
3.	Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam		100 %	100 %
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam		100 %	100 %

1.5. Danh sách công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	25,00%	25,00%
3.	Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng	23,08%	23,08%
4.	Công ty CP Mega Phương Nam		32,00%	32,00%

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do chưa thu thập đủ thông tin.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết - để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 14 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

4.10. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được theo dõi và tập hợp lại và sau đó phân bổ theo đặc thù từng loại chi phí.
- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.12. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.15. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.17. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc công các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa nếm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý cần được trình bày khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thỏa mãn một trong các điều kiện sau: a) Tổng doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao lịch với các bộ phận khác phải chiếm 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận, hoặc b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10% trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận còn lại (hoặc tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên của tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2013	01/01/2013
Tiền mặt	4,460,418,371	3,507,924,062
Tiền gửi ngân hàng	1,726,530,314	4,284,552,888
Cộng	6,186,948,685	7,792,476,950

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	4,446,854,878	3,464,445,885
Công ty Sách Phương Nam	923,090	3,123,090
Công ty In Phương Nam	515,053	13,260,088
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,572,024	16,495,860
Công ty Phương Nam Phim	3,553,326	10,599,139
Cộng	4,460,418,371	3,507,924,062

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	1,539,752,684	3,745,163,505
Công ty Sách Phương Nam	6,931,417	10,257,493
Công ty In Phương Nam	13,980,329	32,621,234
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	30,116,979	102,714,125
Công ty Phương Nam Phim	135,748,905	393,796,531
Cộng	1,726,530,314	4,284,552,888

5.2. Phải thu khách hàng

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	13,382,987,356	15,498,850,726
Công ty Sách Phương Nam	3,920,700,075	3,833,435,299
Công ty In Phương Nam	1,738,804,409	1,564,804,409
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,241,576,626	1,322,350,097
Công ty Phương Nam Phim	5,736,421,595	6,271,438,198
Cộng	26,020,490,061	28,490,878,729
Dự phòng phải thu khó đòi		
Trụ sở chính	(2,071,328,908)	(2,071,328,908)
Công ty Sách Phương Nam	(72,252,984)	(72,252,984)
Công ty In Phương Nam	(785,687,070)	(785,687,070)
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	(655,133,270)	(655,133,270)
Công ty Phương Nam Phim	(7,493,147)	(7,493,147)
Cộng	(3,591,895,379)	(3,591,895,379)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Trả trước cho người bán

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	6,995,414,888	13,871,314,721
Công ty Sách Phương Nam	3,216,478,278	2,946,574,194
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	134,000,000	134,000,000
Công ty In Phương Nam	8,050,000	8,050,000
Công ty Phương Nam Phim	740,059,570	690,637,570
Cộng	11,094,002,736	17,650,576,485

5.4. Các khoản phải thu khác

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	16,322,546,948	15,201,400,491
Công ty Sách Phương Nam	345,886,568	291,350,407
Công ty In Phương Nam	56,714,745	56,714,745
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	2,798,312	68,719,697
Công ty Phương Nam Phim	169,314,618	142,206,946
Cộng	16,897,261,191	15,760,392,286

5.5. Hàng tồn kho

	31/3/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu		
Công ty In Phương Nam	123,427,226	123,427,226
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	945,351,124	992,535,544
Công ty Phương Nam Phim	6,196,923,745	6,114,399,142
Cộng	7,265,702,095	7,230,361,912

Công cụ, dụng cụ

Trụ sở chính	172,668,423	244,765,684
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	28,215,000	28,215,000
Cộng	200,883,423	272,980,684

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Trụ sở chính	680,628,575	934,099,253
Công ty Sách Phương Nam	5,266,224,459	5,390,712,425
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,569,077,664	1,684,350,093
Công ty Phương Nam Phim	16,725,164,416	15,754,369,293
Cộng	24,241,095,114	23,763,531,064

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thành phẩm		
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	13,221,238	13,221,238
Công ty Phương Nam Phim	11,636,490,269	11,974,394,067
Cộng	11,649,711,507	11,987,615,305
Hàng hóa		
Trụ sở chính	107,999,032,453	103,325,589,112
Công ty Sách Phương Nam	558,086,788	310,041,498
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	18,628,516	-
Công ty Phương Nam Phim	1,188,698,283	914,673,925
Cộng	109,764,446,040	104,550,304,535
Hàng gửi đi bán		
Trụ sở chính	148,061,642	131,595,814
Công ty Sách Phương Nam	14,900,943,278	15,371,537,100
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	4,002,686,607	4,139,393,459
Công ty Phương Nam Phim	3,407,577,382	3,510,283,139
Cộng	22,459,268,909	23,152,809,512
Cộng giá gốc hàng tồn kho	175,581,107,088	170,957,603,012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51,842,400)	(51,842,400)
Trụ sở chính	(51,842,400)	(51,842,400)
Giá trị thuần có thể thực hiện	175,529,264,688	170,905,760,612

5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	4,106,113,971	3,081,560,493
Công ty Sách Phương Nam	1,306,108	1,621,972
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	12,500,000	13,617,048
Công ty Phương Nam Phim	61,631,068	31,538,106
Cộng	4,181,551,147	3,128,337,619

5.7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	3,985,166,430	5,565,410,835
Công ty Sách Phương Nam	8,290,515	8,290,515
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,809,403,280	1,809,403,280
Công ty Phương Nam Phim	652,498,242	403,913,242
Cộng	6,455,358,467	7,787,017,872

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tạm ứng (Văn phòng Công ty)	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	391,099,020	490,588,228
Công ty Sách Phương Nam	8,212,140	8,212,140
Công ty Phương Nam Phim	622,498,242	373,913,242
Cộng	1,021,809,402	872,713,610

Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn -VPCT	31/12/2012	01/01/2012
Trụ sở chính	313,636,697	625,876,497
Công ty Sách Phương Nam	-	20,000
Công ty Phương Nam Phim	30,000,000	30,000,000
Cộng	343,636,697	655,896,497

Tài sản thiếu chờ xử lý	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	3,280,430,713	4,448,946,110
Công ty Sách Phương Nam	78,375	58,375
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,809,403,280	1,809,403,280
Cộng	5,089,912,368	6,258,407,765

5.8. Phải thu dài hạn khác	31/3/2013	01/01/2013
Envoy Media Partners Ltd	8,332,000,000	8,332,000,000
	8,332,000,000	8,332,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
* Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	68,259,591,531	5,430,357,343	2,356,420,950	22,916,001,698	98,962,371,522
Mua trong kỳ				1,971,667,513	1,971,667,513
Tăng khác		174,013,485	76,656,440		250,669,925
Thanh lý, nhượng bán				15,100,000	15,100,000
Giảm khác		270,101,212	76,656,440		346,757,652
Số dư cuối kỳ	68,259,591,531	5,334,269,616	2,356,420,950	24,872,569,211	100,822,851,308
* Giá trị hao mòn					-
Số dư đầu kỳ	32,392,170,830	4,285,616,773	1,622,180,866	16,137,232,798	54,437,201,267
Khấu hao	1,648,058,033	66,968,819	109,602,639	849,993,310	2,674,622,801
Tăng khác					-
Thanh lý, nhượng bán	-			13,422,222	13,422,222
Giảm khác		96,087,727			96,087,727
Số dư cuối kỳ	34,040,228,863	4,256,497,865	1,731,783,505	16,973,803,886	57,002,314,119
* Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	35,867,420,701	1,144,740,570	734,240,084	6,778,768,900	44,525,170,255
Số dư cuối kỳ	34,219,362,668	1,077,771,751	624,637,445	7,898,765,325	43,820,537,189

5.10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	3,556,784,787	25,232,525,000	56,600,000	28,845,909,787
Tăng trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	3,556,784,787	25,232,525,000	56,600,000	28,845,909,787
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu kỳ	2,063,211,484		56,600,000	2,119,811,484
Khấu hao trong kỳ	123,698,795			123,698,795
Giảm trong kỳ	2,063,211,484		56,600,000	2,243,510,279
Số dư cuối kỳ				
Giá trị còn lại	1,493,573,303	25,232,525,000	-	26,726,098,303
Số dư đầu kỳ	1,493,573,303	25,232,525,000	-	26,602,399,508
Số dư cuối kỳ	3,556,784,787	25,232,525,000	56,600,000	28,845,909,787

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	34,364,000
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	
Số dư cuối kỳ	34,364,000
Giá trị hao mòn	
Số dư đầu kỳ	34,364,000
Tăng trong kỳ	
Giảm trong kỳ	
Số dư cuối kỳ	34,364,000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-

5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tên Công Trình	31/3/2013	01/01/2013
Các nhà sách	7,815,350,634	7,685,737,059
Công trình cửa hàng băng đĩa	405,550,031	405,550,031
	8,220,900,665	8,091,287,090

5.13. Đầu tư dài hạn khác

	31/3/2013	01/01/2013
Đầu tư dài hạn khác	12,661,111,544	12,753,527,460
Cộng	12,661,111,544	12,753,527,460

5.14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	7,176,967,306	7,798,287,532
Công ty Sách Phương Nam	212,838,998	256,095,063
Công ty In Phương Nam	-	46,029,490
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	37,341,159	70,467,663
Công ty Phương Nam Phim	48,330,251	43,845,037
Cộng	7,475,477,714	8,214,724,785

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 01 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Tài sản dài hạn khác

	31/3/2013	01/01/2013
Ký quỹ dài hạn		
Trụ sở chính	5,652,242,249	5,363,610,111
Công ty Sách Phương Nam	5,000,000	15,000,000
Cộng	5,657,242,249	5,378,610,111

5.16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/3/2013	01/01/2013
Ngân hàng	85,408,777,395	86,968,168,542
Cộng	85,408,777,395	86,968,168,542

5.17. Phải trả người bán

	31/3/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	103,964,204,331	99,243,417,069
Công ty MTV Sách Phương Nam	6,146,465,965	7,350,347,451
Công ty MTV In Phương Nam	106,847,733	151,111,833
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	597,447,065	614,892,117
Công ty MTV Phim Phương Nam	8,969,161,183	10,154,292,076
Cộng	119,784,126,277	117,514,060,546

5.18. Người mua trả tiền trước

	31/3/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	268,517,879	792,822,323
Công ty MTV Sách Phương Nam	533,749,677	106,296,646
Công ty MTV In Phương Nam	17,023,890	17,023,890
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	76,664,890	76,664,890
Công ty MTV Phim Phương Nam	5,412,900	205,412,900
Cộng	901,369,236	1,198,220,649

5.19. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách

	31/3/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng	274,210,701	253,588,460
Thuế xuất nhập khẩu	-	1,423,674
Thuế tiêu thụ đặc biệt	513,230	804,388
Thuế thu nhập cá nhân	100,068,084	171,664,167
Cộng	374,792,015	427,480,689

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Chi phí phải trả

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	4,069,608,424	4,514,683,955
Công ty Sách Phương Nam	651,248,211	670,010,230
Công ty In Phương Nam	14,777,000	-
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	189,347,088	137,426,433
Công ty Phương Nam Phim	14,478,394,889	14,381,230,180
Cộng	19,403,375,612	19,703,350,798

5.21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/3/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	14,795,226,625	15,357,375,386
Công ty Sách Phương Nam	597,283,700	601,447,225
Công ty In Phương Nam	56,029,381	6,739,638
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,893,860,725	1,816,927,191
Công ty Phương Nam Phim	974,834,120	935,257,557
Cộng	18,317,234,551	18,717,746,997

5.22. Phải trả dài hạn khác

	31/3/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	761,208,236	818,458,236
Nhận vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	306,335,156	306,335,156
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	454,873,080	512,123,080
Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	2,918,041,595	2,780,194,145
Cộng	3,679,249,831	3,598,652,381

5.23. Vay và nợ dài hạn

	31/3/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	17,571,036,824	18,481,009,824
Vay dài hạn	17,571,036,824	18,481,009,824
Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam	86,674,000	104,002,000
Vay dài hạn	86,674,000	104,002,000
	17,657,710,824	18,585,011,824

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.24 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu quý	100,589,060,000	34,551,810,046	(2,616,000,640)	970,956,900	1,027,776,814	(17,729,802,843)	116,793,800,277
Tăng vốn trong quý	9,813,350,000						9,813,350,000
Tăng khác							-
Trích lập các quỹ		(9,813,350,000)					(9,813,350,000)
Lợi nhuận trong quý						(3,312,827,455)	(3,312,827,455)
Chia trả cổ tức							-
Chi từ quỹ							-
Giảm khác							-
Số dư cuối quý	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	970,956,900	1,027,776,814	(21,042,630,298)	113,480,972,822

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	75,428,505,106	63,563,739,099
Công ty MTV Sách Phương Nam	75,085,295	125,483,947
Công ty MTV In Phương Nam	230,361,074	556,146,721
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	-	1,112,182,546
Công ty MTV Phim Phương Nam	3,898,541,186	10,854,231,402
Cộng	79,632,492,661	76,211,783,715

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	553,696,916	468,201,495
Công ty MTV Sách Phương Nam	25,109,357	20,941,881
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	26,437,274	1,017,949,252
Công ty MTV Phim Phương Nam	707,649,328	484,406,609
Cộng	1,312,892,875	1,991,499,237

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	74,874,808,190	63,095,537,604
Công ty MTV Sách Phương Nam	49,975,938	104,542,066
Công ty MTV In Phương Nam	230,361,074	556,146,721
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	(26,437,274)	94,233,294
Công ty MTV Phim Phương Nam	3,190,891,858	10,369,824,793
Cộng	78,319,599,786	74,220,284,478

6.4 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	47,918,843,646	40,191,313,311
Công ty MTV Sách Phương Nam	(35,393,130)	67,783,167
Công ty MTV In Phương Nam	157,501,631	461,438,563
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	33,634,184	390,828,129
Công ty MTV Phim Phương Nam	2,265,597,518	9,618,860,577
Hoàn nhập tồn kho năm trước	(910,276,076)	(468,003,430)
Cộng	49,429,907,773	50,262,220,317

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Lãi tiền gửi	339,325,416	352,929,379
Chiết khấu thanh toán		137,162,658
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	35,176,297	
Lãi liên doanh	72,232,158	138,958,340
Cộng	446,733,871	629,050,377

6.6 Chi phí tài chính

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Chi phí lãi vay	3,552,811,189	4,650,216,987
Chiết khấu	68,042,599	
Chi phí tài chính khác		60,160,669
Cộng	3,620,853,788	4,710,377,656

6.7 Chi phí bán hàng

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	23,259,884,999	20,835,575,362
Công ty MTV Sách Phương Nam	81,422,283	133,863,610
Công ty MTV In Phương Nam	-	34,035,306
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	25,983,726	290,369,082
Công ty MTV Phim Phương Nam	928,007,730	773,555,627
Cộng	24,295,298,738	22,067,398,987

6.8 Chi phí quản lý

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	4,197,255,969	3,483,312,698
Công ty MTV Sách Phương Nam	193,888,510	357,647,018
Công ty MTV In Phương Nam	7,641,000	-
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	14,272,515	249,029,205
Công ty MTV Phim Phương Nam	519,988,815	476,836,195
Cộng	4,933,046,809	4,566,825,116

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9 Thu nhập khác

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	557,918,250	581,106,800
Công ty MTV Sách Phương Nam	298	99485
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	13,386,906	811,759,797
Công ty MTV Phim Phương Nam	-	92
Cộng	571,305,454	1,392,966,174

6.10 Chi phí khác

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	259,519,507	331,698,929
Công ty MTV Sách Phương Nam	201	2,021,559
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	-	1,079,588,728
Cộng	259,519,708	1,413,309,216

6.11. Tài sản tài chính, công nợ tài chính

	Quý 01/2013	Quý 01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,186,948,685	4,806,890,568
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51,986,967,417	58,999,610,663
Khoản đầu tư tài chính	11,300,000,000	9,000,000,000
Tài sản tài chính khác	6,000,898,946	4,326,605,715
Tổng cộng	75,474,815,048	77,133,106,946
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	103,066,488,219	106,158,072,789
Phải trả người bán và phải trả khác	138,556,233,908	141,328,595,902
Chi phí phải trả	19,403,375,612	18,227,284,324
Tổng cộng	261,026,097,739	265,713,953,015

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Công ty con
5. Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
6. Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
7. Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Công ty liên kết
8. Công ty CP Mega Phương Nam	Công ty liên kết

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Giao dịch giữa các công ty liên doanh, liên kết chưa được loại trừ trong quá trình hợp nhất

7.1 Vào ngày 31/03/2013, các khoản nợ loại trừ khi tổng hợp như sau:

<u>Công ty</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Trị giá (VND)</u>
a) Công ty Sách Phương Nam			
Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	3,123,361,875
		Phải trả thương mại	34,918,953
		Phải thu khác	72,217,734
		Phải trả khác	7,481,441,550
Công ty 1TV In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải trả thương mại	3,249,876,875
Công ty 1TV Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	238,773,351
		Phải trả thương mại	127,907,330
Công ty Văn Phòng Phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải trả thương mại	4,647,501
b) Công ty In Phương Nam			
Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	2,829,988,406
		Phải trả thương mại	48,764,100
		Phải thu khác	5,786,501,531
Công ty 1TV Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	3,249,876,875
Công ty Văn Phòng Phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	1,007,425,343

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

c) Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam

Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	544,247,752
		Phải trả thương mại	289,682,257
		Phải trả khác	-
		Phải thu khác	49,192,985
Công ty 1TV Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	4,647,501
Công ty 1TV In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
		Phải trả thương mại	1,007,425,343

d) Công ty TNHH Một TV Phương Nam Phim

Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	3,980,803,439
		Phải trả thương mại	1,138,922,955
		Phải trả khác	9,607,041,713
		Phải thu khác	557,318,464
Công ty 1TV Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	127,907,330
		Phải trả thương mại	238,773,351

7.2. Thông tin tổng hợp bút toán điều chỉnh

Chỉ tiêu	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh Hợp nhất	Số sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần bán hàng	82,357,345,358	4,037,745,572	78,319,599,786
Giá vốn hàng bán	53,915,012,344	4,485,104,571	49,429,907,773
Doanh thu hoạt động tài chính	446,733,871	-	446,733,871
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(3,648,346,704)	(447,358,999)	(3,200,987,705)
CP thuế thu nhập hiện hành	-	-	-
CP thuế thu nhập DN hoãn lại	-	(111,839,750)	111,839,750
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(3,648,346,704)	(335,519,249)	(3,312,827,455)
Bảng cân đối kế toán			
Hàng tồn kho	176,044,024,165	462,917,077	175,581,107,088
Phải thu khách hàng	42,639,810,198	16,619,320,137	26,020,490,061
Phải thu khác	40,467,703,568	23,570,442,377	16,897,261,191
Phải trả người bán	136,403,446,414	16,619,320,137	119,784,126,277
Phải trả khác	41,887,676,928	23,570,442,377	18,317,234,551
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1,392,652,493	(115,729,269)	1,508,381,762
Lợi nhuận chưa phân phối	(14,807,491,537)	6,235,138,761	(21,042,630,298)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7.3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận – Đơn vị tính: triệu đồng
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kinh doanh nhà sách	Phát hàng sách	SXKD Văn phòng phẩm	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng bộ phận đã báo cáo
Doanh thu	63,096	1,837	1,005	11,976	556	-	78,469
Từ khách hàng bên ngoài	63,096	105	94	10,370	556	-	74,220
Giữa các bộ phận		1,733	911	1,606	-		4,249.16
Tổng cộng	63,096	1,837	1,005	11,976	556	-	78,469
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	(1,165)	(232)	(740)	(153)	61	467	(2,697)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
LN trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	(1,165)	(232)	(740)	(153)	61	467	(1,763)
Thu nhập tài chính	482	1	2	144	0	-	629
Chi phí tài chính	4,674	-	36	-	-	-	4,710
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN							-
Lợi nhuận sau thuế	(5,357)	(231)	(774)	(10)	61	467	(5,844)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(5,357)	(231)	(774)	(10)	61	467	(5,844)
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(5,357)	(231)	(774)	(10)	61	467	(5,844)
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	364,584	37,478	13,812	55,169	12,820	(84,690)	399,173
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	364,584	37,478	13,812	55,169	12,820	(84,690)	399,173
Nợ phải trả của bộ phận	231,595	23,086	6,600	39,917	261	(29,294)	272,165
Nợ phải trả không phân bổ							-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	231,595	23,086	6,600	39,917	261	(29,294)	272,165
Chi phí mua sắm tài sản	(1,716)					-	(1,716)
Chi phí khấu hao	3,131	21	24	39	244	-	3,458

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 01 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2013

Chỉ tiêu	Kinh doanh nhà sách	Phát hàng sách	SXKD VPP	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng bộ phận đã báo cáo
Doanh thu và thu nhập khác	74,875	2,557	454	4,241	230	(4,038)	78,320
Từ khách hàng bên ngoài	74,875	50	(26)	3,191	230	-	78,320
Giữa các bộ phận		2,507	480	1,050	-	(4,038)	-
Tổng cộng	74,875	2,557	454	4,241	230	(4,038)	78,320
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	(203)	66	(51)	(352)	65	(447)	(27)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
LN trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	(203)	66	(51)	(352)	65	(447)	(922)
Thu nhập tài chính	372	1	0	74	0	-	447
Chi phí tài chính	3,617	-	4	-	-	-	3,621
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(3,448)	67	(55)	(278)	65	(447)	(4,096)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(3,448)	67	(55)	(278)	65	(447)	(4,096)
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(3,448)	67	(55)	(278)	65	(447)	(4,096)
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	373,291	32,638	10,196	52,753	13,928	(101,111)	381,694
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	373,291	32,638	10,196	52,753	13,928	(101,111)	381,694
Nợ phải trả của bộ phận	246,545	18,922	4,139	38,544	253	(40,190)	268,219
Nợ phải trả không phân bổ							
Tổng nợ phải trả hợp nhất	246,545	18,922	4,139	38,544	253	(40,190)	268,219
Chi phí mua sắm tài sản	(589)					-	(589)
Chi phí khấu hao	2,918	60	13	60		-	3,051

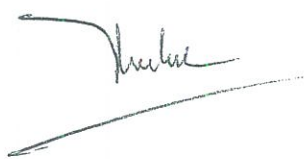
Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 05 năm 2013

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







Châu Thị Thu Hà

Ông Chu Nga

STANLEY GINN.